

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Nước ta có vị trí địa lí

- A. ở gần với trung tâm châu Á.
- B. giáp với Biển Đông rộng lớn.
- C. phía tây bán đảo Đông Dương.
- D. trên các vành đai sinh khoáng.

Câu 2: Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự phân hóa của thiên nhiên nước ta theo chiều Bắc - Nam là do

- A. gió Tây Nam và dãy Trường Sơn.
- B. vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ.
- C. gió mùa kết hợp với địa hình.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

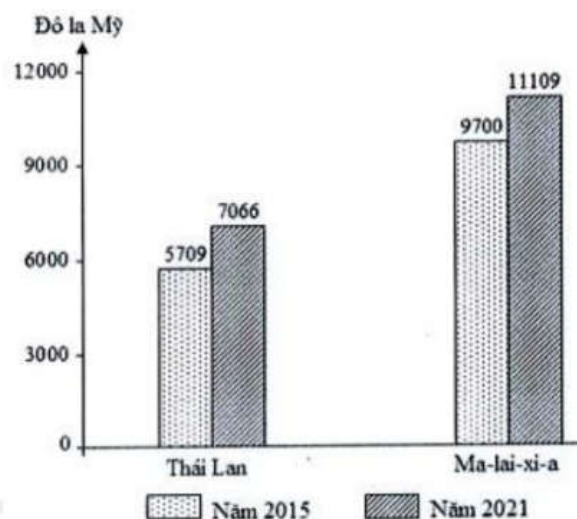
Câu 3: Tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ

- A. Việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn.
- B. Việc thực hiện công nghiệp hoá nông thôn.
- C. Thanh niên nông thôn đã ra thành thị tìm việc làm.
- D. Chất lượng lao động ở nông thôn đã được nâng lên.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với gió mùa hạ ở nước ta?

- A. Có nguồn gốc từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương và áp cao chí tuyến bán cầu Nam.
- B. Mang lại thời tiết khác nhau giữa đầu mùa hạ với giữa và cuối mùa hạ.
- C. Mang đến thời tiết nóng, khô và mưa rất ít trên phạm vi cả nước.
- D. Thường hoạt động từ tháng 5 đến tháng 10 và có hướng tây nam là chủ yếu.

Câu 5: Cho biểu đồ:



GDP/NGƯỜI CỦA THÁI LAN VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2015 VÀ NĂM 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi GDP/người năm 2021 so với năm 2015 của Thái Lan và Ma-lai-xi-a?

- A. Thái Lan tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a.
- B. Ma-lai-xi-a tăng và Thái Lan giảm.

C. Ma-lai-xi-a tăng gấp hai lần Thái Lan. D. Thái Lan tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 6: Trong nội bộ ngành công nghiệp nước ta **không** có sự chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

- A. Phát triển các ngành đem lại giá trị gia tăng cao.
- B. Chú trọng ngành ứng dụng công nghệ cao.
- C. Tăng nhanh tỉ trọng nhóm ngành khai khoáng.
- D. Tăng tỉ trọng nhóm ngành chế biến, chế tạo.

Câu 7: Xu hướng phát triển ngành nông nghiệp của nước ta hiện nay là

- A. giảm các sản phẩm của ngành chăn nuôi không qua giết thịt.
- B. phát triển nông nghiệp xanh gắn với du lịch nông nghiệp.
- C. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt trong cơ cấu sản xuất.
- D. tăng tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp hàng năm.

Câu 8: Cơ cấu ngành kinh tế nước ta chuyển dịch chủ yếu do tác động của

- A. xu hướng khu vực hóa và toàn cầu hóa, phát triển nền kinh tế thị trường.
- B. công cuộc đổi mới, các chính sách phát triển và khoa học - công nghệ.
- C. phát huy tốt các nguồn lực, phát triển công nghiệp và kinh tế hàng hóa.
- D. nâng cao chất lượng lao động, thu hút đầu tư và ứng dụng kỹ thuật mới.

Câu 9: Vấn đề sản xuất lương thực được Nhà nước ta quan tâm thường xuyên chủ yếu do

- A. diện tích đất canh tác nhỏ hẹp, thiên tai xảy ra quanh năm.
- B. điều kiện tự nhiên không thuận lợi, nhu cầu lương thực lớn.
- C. đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân cư và xuất khẩu.
- D. nhu cầu xuất khẩu ngày càng tăng, lực lượng lao động trẻ.

Câu 10: Sinh vật cận nhiệt và ôn đới ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do tác động của

- A. vĩ độ địa lí, gió mùa Tây Nam, địa hình.
- B. vị trí địa lí, địa hình đồi núi, Tín phong.
- C. vĩ độ địa lí, gió tây nam, áp thấp nhiệt đới.
- D. vị trí địa lí, gió mùa Đông Bắc, địa hình.

Câu 11: Mật độ dân số nước ta

- A. ngày càng tăng và ít có sự phân hoá giữa các vùng.
- B. phụ thuộc chủ yếu vào vị trí và điều kiện tự nhiên.
- C. cao hơn nhiều so với mức trung bình của thế giới.
- D. có xu hướng giảm do luồng xuất cư ngày càng lớn.

Câu 12: Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hoá tới nền kinh tế nước ta là

- A. tạo ra thị trường có sức mua lớn và mở rộng liên tục.
- B. tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động.
- C. thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. lan toả rộng rãi lối sống thành thị tới khu vực nông thôn.

Câu 13: Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng nước ta là

- A. khai hoang mở rộng diện tích.
- B. cải tạo đất bạc màu, đất mặn.
- C. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.
- D. đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

Câu 14: Biện pháp chủ yếu để khắc phục sự mất cân đối về nguồn điện giữa các vùng nước ta là

- A. xây dựng thêm nhiều nhà máy điện có công suất lớn.
- B. đổi mới công nghệ các nhà máy điện đang vận hành.
- C. hình thành và phát triển mạng lưới điện quốc gia.
- D. phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo.

Câu 15: Ý nghĩa về mặt xã hội của việc hình thành các vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta là

- A. tạo điều kiện chuyên môn hoá lao động cho các vùng nông thôn.
- B. khai thác tối đa các điều kiện sinh thái nông nghiệp ở mỗi vùng.
- C. đảm bảo sản lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.
- D. tạo ra nguồn nguyên liệu dồi dào cho phát triển công nghiệp chế biến.

Câu 16: Biểu hiện của suy giảm tài nguyên đất ở nước ta là

- A. hoang mạc hóa, mặn hóa, độ phì nhiêu suy giảm, xói mòn đất.
- B. khai thác rừng, chất thải sản xuất, sinh hoạt làm ô nhiễm đất.
- C. canh tác đất không hợp lí, xói mòn, suy giảm độ phì ở đồi núi.
- D. suy giảm tài nguyên rừng, biến đổi khí hậu, tăng xói mòn, sạt lở.

Câu 17: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên Việt Nam thể hiện trực tiếp và rõ nét nhất qua thành phần tự nhiên nào sau đây?

- A. Khí hậu.
- B. Sông ngòi.
- C. Thực vật.
- D. Địa hình.

Câu 18: Sự khác nhau về loài thực vật ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ, chủ yếu do

- A. gió mùa, địa hình, sự di cư của các loài sinh vật.
- B. vị trí địa lí, khí hậu, sự di cư của các loài sinh vật.
- C. hoàn lưu khí quyển, đặc điểm lãnh thổ, địa hình.
- D. hoàn lưu khí quyển, vị trí địa lí, nhiệt độ trong năm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Sự phân hóa đa dạng của khí hậu Việt Nam bị chi phối bởi những nhân tố chủ đạo bao gồm: sự tranh chấp hoạt động của các hoàn lưu gió, lãnh thổ hẹp ngang nhưng kéo dài trên nhiều vĩ độ, vị trí tiếp giáp với biển, địa hình nhiều đồi núi và bị chia cắt mạnh....

- a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc kết hợp với địa hình là nhân tố chủ yếu làm cho sự phân hóa khí hậu theo vĩ độ ở nước ta được tăng cường rõ nét hơn.
- b) Cơ chế hoạt động của Tín phong bán cầu Bắc đã góp phần làm tăng sự ổn định về nhiệt độ trên cả nước đồng thời làm giảm sự khắc nghiệt của khí hậu.
- c) Khí hậu nước ta có sự phân hóa về không gian và thời gian.

d) Sự tranh chấp giữa gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chủ yếu tạo nên tình thất thường của khí hậu ở miền Bắc và sự phân hóa theo mùa của khí hậu trên phạm vi cả nước.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Việc làm có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cuộc sống mỗi cá nhân, mỗi gia đình và toàn xã hội. Hầu hết lao động nước ta có việc làm, tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm khá thấp. Khu vực thành thị thường có tỉ lệ thất nghiệp cao hơn khu vực nông thôn. Năm 2021, thành thị có tỉ lệ thất nghiệp là 4,33%, tỉ lệ thiếu việc làm là 3,33%; nông thôn có tỉ lệ thất nghiệp là 2,5% và tỉ lệ thiếu việc làm là 2,96%.

a) Để giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay, giải pháp chủ yếu là mở rộng quy mô làng nghề và đẩy mạnh nghề thủ công truyền thống.

b) Việc làm đang là vấn đề kinh tế - xã hội lớn cần quan tâm ở nước ta hiện nay.

c) Thành thị có tỉ lệ thất nghiệp cao hơn nông thôn chủ yếu do ở đây có mức tập trung dân cư cao, hoạt động kinh tế chính là công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

d) Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm giữa các vùng, các khu vực ở nước ta có sự khác biệt hoàn toàn do sự khác biệt về trình độ học vấn.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Trồng trọt chiếm 60,8% giá trị sản xuất nông nghiệp của cả nước (năm 2020). Cơ cấu ngành trồng trọt khá đa dạng, lúa là cây trồng chính trong sản xuất lương thực. Hiện nay việc đẩy mạnh sản xuất cây lương thực, công nghiệp lâu năm đã đưa nước ta trở thành nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về một số nông sản.

a) Nước ta trở thành nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về một số nông sản do đẩy mạnh sản xuất hàng hoá và tìm kiếm thị trường.

b) Sản lượng lúa tăng do sử dụng giống lúa mới, áp dụng tiến bộ khoa học trong canh tác.

c) Trồng trọt là ngành chính trong sản xuất nông nghiệp nước ta.

d) Cơ cấu ngành trồng trọt khá đa dạng do đất feralit có diện tích lớn và nguồn nhiệt cao.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

**TỶ LỆ THẤT NGHIỆP VÀ TỶ LỆ THIẾU VIỆC LÀM Ở NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2010 – 2021**

(Đơn vị: %)

chỉ Năm	Tiêu		Tỉ lệ thất nghiệp		Tỉ lệ thiếu việc làm	
	Cả nước	Thành thị	Cả nước	Nông thôn		
2010	2,9	4,3	3,6	4,3		
2015	2,3	3,4	2,3	2,3		
2021	3,2	4,3	3,1	3,0		

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2016, 2022)

a) Tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn giảm liên tục.

b) Tỉ lệ thất nghiệp giống nhau ở các khu vực nước ta.

c) Tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm của cả nước giảm liên tục.

d) Tỉ lệ thất nghiệp chịu tác động của sự phát triển kinh tế và đặc điểm nguồn lao động.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

**SỐ LƯỢT KHÁCH TẠI CÁC CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2015 – 2022**

(Đơn vị: Nghìn lượt khách)

	2015	2017	2021	2022
Khách trong nước	102200	132837,9	60453,24	124641,15
Khách quốc tế	11811	13747,3	3149,47	10791,18

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, <https://www.gso.gov.vn>)

Cho biết tốc độ tăng trưởng của khách trong nước nhiều hơn khách quốc tế đến Việt Nam trong giai đoạn 2015 - 2022 là bao nhiêu (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 2: Biết năm 2021 ở nước ta, tổng số dân là 98,5 triệu người, sản lượng điện là 244,9 tỉ kWh. Tính sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta năm 2021 (đơn vị tính: kWh/người, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Diện tích cây công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2021
Tiêu chí				
Cây công nghiệp hàng năm	797,6	676,8	457,8	425,9
Cây công nghiệp lâu năm	2 015,5	2 150,5	2 185,8	2 200,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, năm 2022)

Diện tích cây công nghiệp hàng năm năm 2021 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2010 và năm 2021

Năm	2010	2021
Tiêu chí		
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,5	7,2
Sản lượng (triệu tấn)	40,0	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2010. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 5: Năm 2022, tổng giá trị xuất nhập khẩu của nước ta là 730,2 tỉ USD, cán cân thương mại 12,4 tỉ USD. Vậy, giá trị xuất khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

Câu 6: Năm 2022, dân thành thị nước ta là 37,09 triệu người chiếm 37,3% dân số (Niên giám thống kê năm 2022). Vậy dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến đến hàng đơn vị).

----- HẾT -----